TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/DS-ST
Ngày: 11 - 6 - 2018
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hòa Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hải;

2. Bà Phạm Thị Loan;

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Vũ Tuyết Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pháp - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V- tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2018/TLST- DS ngày 09 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:*

Anh Nguyễn Phúc G - sinh năm: 1989;

Chị Đặng Thị T - sinh năm 1988;

Cùng trú tại: Tổ dân phố số 1, thị trấn V, huyện N, tỉnh Khánh Hòa.

Anh G, chị T đều có mặt.

* *Bị đơn:*

Anh Nguyễn Thanh S - sinh năm 1990;

Chị Trần Thị P - sinh năm 1991;

Cùng trú tại: Tổ dân phố số 4, thị trấn V, huyện N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 06 tháng 3 năm 2018, lời khai ngày 09 tháng 3 năm 2018, biên bản hòa giải ngày 13 tháng 3 năm 2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Phúc G và chị Đặng Thị T đều thống nhất trình bày:

Giữa vợ chồng anh Nguyễn Phúc G, chị Đặng Thị T có mối quan hệ bạn bè với vợ chồng anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị P. Vào ngày 02/3/2016, vợ chồng anh G, chị T có cho vợ chồng anh S, chị P vay số tiền 185.000.000đ (một trăm tám mươi lăm triệu đồng). Khi vay hai bên có làm giấy mượn tiền, có chữ ký của các bên. Anh S, chị Ph có thế chấp cho vợ chồng anh G, chị T nhận 01 Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37C8005792/HKD tên hộ kinh doanh là Nguyễn Thanh S đăng ký lần đầu ngày 23/12/2015; 01 sổ danh bạ thuyền viên tàu cá số đăng ký KH-100.01-TS và 01 sổ danh bạ thuyền viên tàu cá số đăng ký KH-09198-TS đều mang tên chủ tàu là Nguyễn Thanh S. Giữa các bên không thỏa thuận lãi suất vay cũng như không ấn định thời gian trả nợ. Hai bên thỏa thuận khi nào vợ chồng anh G, chị T cần tiền thì sẽ báo trước cho anh S, chị P một tháng để anh S, chị P chuẩn bị tiền trả đủ một lần 185.000.000đ cho vợ chồng anh G, chị T. Khoảng 6 tháng trước, vợ chồng anh G, chị T có đến đòi nợ anh S, chị P và có báo trước 01 tháng đúng như thỏa thuận nhưng anh S, chị P cứ hẹn nợ không chịu trả đủ số tiền. Chị T đến đòi nợ nhiều lần thì anh S, chị P chỉ trả được 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng) sau đó thì không trả nữa.

Anh Nguyễn Phúc G và chị Đặng Thị T xác định đến nay vợ chồng anh S, chị P còn nợ vợ chồng anh G, chị T số tiền 183.100.000đ (một trăm tám mươi ba triệu một trăm nghìn đồng). Anh G, chị T yêu cầu anh S, chị P trả đủ một lần toàn bộ số tiền này và không yêu cầu trả lãi.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 3 năm 2018, biên bản hòa giải ngày 13 tháng 3 năm 2018, bị đơn anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị P trình bày:

Vào ngày 02/3/2016 vợ chồng anh Nguyễn Thanh S, chị Trần Thị P có vay vợ chồng anh Nguyễn Phúc G, chị Đặng Thị T - cùng trú tại: Tổ dân phố số 1, thị trấn V, huyện N, tỉnh Khánh Hòa số tiền 185.000.000đ (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) và có viết giấy mượn tiền có chữ ký của các bên. Giữa các bên có thỏa thuận lãi suất miệng là 6.600.000đồng/tháng và thỏa thuận khi nào anh G, chị T cần tiền thì sẽ báo trước cho vợ chồng anh S, chị P 01 tháng để chuẩn bị tiền trả nợ. Hàng tháng, chị T vẫn đến lấy đủ tiền lãi từ lúc vay cho đến tháng 10 năm 2017. Nhưng đã trả được bao nhiêu tiền lãi thì anh S chị P không nhớ vì vừa trả tiền gốc, vừa trả tiền lãi cho số nợ 185.000.000đ nói trên. Vào thời điểm tháng 11 năm 2017, ở Vạn Ninh xảy ra bão lớn nên thuyền bè của vợ chồng anh S bị sóng đánh trôi, gây ra thiệt hại. Vợ chồng anh S không còn khả năng trả lãi nữa nên mới xin anh G, chị T ngừng trả lãi và xin trả nợ tiền gốc làm nhiều lần. Vợ chồng anh S đã trả nhiều lần được 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng) tiền gốc sau đó thì không trả nữa. Vợ chồng anh G, chị T có đến đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh S không có khả năng trả nợ. Anh S, chị P xác định đã trả cho vợ chồng anh G được 1.900.000đ tiền gốc, còn nợ lại 183.100.000đ (một trăm tám mươi ba triệu một

trăm nghìn đồng). Hiện nay vợ chồng anh G chị T khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh S, chị P trả một lần toàn bộ số tiền 183.100.000đ thì anh S, chị P xin trả 1.000.000đồng/tháng, trả liên tục hàng tháng cho đến khi hết số nợ này. Về số tiền lãi đã trả, anh S và chị P không yêu cầu Tòa án xem xét lại.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Phúc G và chị Đặng Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị P là bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị P.

[2] Tại phiên tòa anh Nguyễn Phúc G và chị Đặng Thị T yêu cầu anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị P phải trả một lần toàn bộ số tiền 183.100.000đ (một trăm tám mươi ba triệu một trăm nghìn đồng) và không yêu cầu anh S, chị P phải trả lãi đối với số nợ trên.

[3] Căn cứ vào giấy mượn tiền của anh Nguyễn Phúc G, chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Thanh S, chị Trần Thị P được xác lập ngày 02/3/2016, lời khai của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ căn cứ kết luận: Ngày 02/3/2016, anh S, chị P có vay của anh G, chị T số tiền là 185.000.000đồng (một trăm tám mươi lăm triệu đồng), đã trả được 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng), hiện nay còn nợ lại 183.100.000đ (một trăm tám mươi ba triệu một trăm nghìn đồng) là đúng sự thật.

Việc anh S, chị P không thanh toán nợ cho anh G, chị T đã vi phạm quy định về hợp đồng dân sự về vay tài sản; nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; đồng thời gây khó khăn cho anh G, chị T trong việc thu hồi vốn cho vay, gây thiệt thòi quyền lợi cho anh G, chị T. Anh S, chị P xin được trả 1.000.000đồng/tháng và trả liên tục hàng tháng cho đến khi hết nợ không được anh G, chị T đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của anh S, chị P. Việc anh G, chị T yêu cầu anh S, chị P phải trả cho anh chị số tiền 183.100.000đ (một trăm tám mươi ba triệu một trăm nghìn đồng) mà vợ chồng anh S còn nợ là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận yêu cầu này của anh G, chị T.

[4] Về lãi: Anh G, chị T không yêu cầu anh S, chị P phải trả lãi đối với số nợ trên nên Tòa không xem xét. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2018 anh S, chị P trình bày: Tại thời điểm vay, giữa các bên có thỏa thuận lãi suất miệng là 6.600.000đồng/tháng trên tổng số nợ vay. Sau khi vay anh S, chị P có trả lãi cho anh G, chị T trên số nợ gốc đã vay từ lúc vay đến tháng 10/2017 nhưng đã trả được bao nhiêu tiền lãi thì anh S, chị P không nhớ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2018 và biên bản hòa giải ngày 13/3/2018, anh S chị P không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết số tiền lãi mà anh chị đã trả cho anh G chị T nên không có cơ sở giải quyết.

[5] Đối với các giấy tờ khi vay anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị P thế chấp cho anh Nguyễn Phúc G và chị Đặng Thị T gồm: Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37C8005792/HKD, tên hộ kinh doanh là Nguyễn Thanh S; sổ danh bạ thuyền viên tàu cá số đăng ký là KH - 09198 - TS, tên chủ tàu là Nguyễn Thanh S và sổ danh bạ thuyền viên tàu cá số đăng ký là KH - 10001 - TS, tên chủ tàu là Nguyễn Thanh S. Anh G chị T thừa nhận việc thế chấp giữa các bên là không đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Anh Giang, chị Thu tự nguyện trả lại cho anh S và chị P các giấy tờ trên nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh G và chị T về việc trả lại các giấy tờ này cho anh S chị P.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Phúc G và chị Đặng Thị T.

Buộc anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị P phải trả cho anh Nguyễn Phúc G và chị Đặng Thị T số tiền 183.100.000đ (một trăm tám mươi ba triệu một trăm nghìn đồng).

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Phúc G và chị Đặng Thị T về việc trả lại cho anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị P 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hộ kinh doanh số 37C8005792/HKD tên hộ kinh doanh là Nguyễn Thanh S đăng ký lần đầu ngày 23/12/2015 (bản chính); 01 (một) sổ danh bạ thuyền

viên tàu cá số đăng ký là KH - 09198 - TS, tên chủ tàu là Nguyễn Thanh S, số sổ 1000/2015 và 01 (một) sổ danh bạ thuyền viên tàu cá số đăng ký là KH - 10001 - TS, tên chủ tàu là Nguyễn Thanh S, số sổ 1001/2015.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.155.000đ (chín triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

- Nguyên đơn anh Nguyễn Phúc G và chị Đặng Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh G, chị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.577.500đ (bốn triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014028 ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

3. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
(sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: VT, AV.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hòa Thanh